

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
riêng 2024 (đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG NĂM 2024

(Đã Kiểm Toán)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	NĂM 2024	NĂM 2023	CHÊNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	794.070.666.130	646.505.404.322	147.565.261.808	122,83
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10		-	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		794.070.666.130	646.505.404.322	147.565.261.808	122,83
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	556.064.801.301	476.564.147.532	79.500.653.769	116,68
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	21		238.005.864.829	169.941.256.790	68.064.608.039	140,05
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	70.947.511.063	79.317.487.528	(8.369.976.465)	89,45
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	5.644.497.952	3.473.318.565	2.171.179.387	162,51
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25					
9	Chi phí bán hàng	26		7.858.439.847	6.909.328.456	949.111.391	113,74
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		89.450.618.637	51.298.289.971	38.152.328.666	174,37
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		205.999.819.456	187.577.807.326	18.422.012.130	109,82
12	Thu nhập khác	32		81.199.353.002	44.804.657.766	36.394.695.236	181,23
13	Chi phí khác	40		23.672.001.902	18.965.632.891	4.706.369.011	124,82
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	50		57.527.351.100	25.839.024.875	31.688.326.225	222,64
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		263.527.170.556	213.416.832.201	50.110.338.355	123,48
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	39.563.250.400	33.263.609.555	6.299.640.845	118,94
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30	-	-	-	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		223.963.920.156	180.153.222.646	43.810.697.510	124,32
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						

Giải Trình:

Trong năm 2023: Sản lượng tiêu thụ là: 13.448,4 tấn; Giá bán bình quân: 34.572.422 VND/tấn.

Trong năm 2024: Sản lượng tiêu thụ là: 11.929,53 tấn; Giá bán bình quân: 48.023.588 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ năm 2024 thấp hơn năm 2023. Nhưng giá bán bình quân cao hơn năm 2023.

(giá bán bình quân năm 2024 tăng : 13.451.166 VND/tấn hay tăng : 38,91% so với năm 2023).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 tăng: 18,422,012,130 VND hay tăng 9,82% so với năm 2023.

+ Lợi nhuận khác năm 2024 tăng : 31.688.326.225 VND hay tăng 122,64% so với năm 2023,

Do đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng: 43.810.697.510 VND hay tăng : 24,32% so với năm 2023

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, N.Vu (b)

